

PHÂN CÔNG

Nhiệm vụ năm học 2024-2025

(Theo Quyết định số 37 /QĐ-TH NTP ngày 20 / 8 /2024)- Thực hiện từ ngày 05 / 09 /2024

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
1	Nguyễn Thị Bích Ngọc	04/06/1975	1993	2001	THSP	Thạc sĩ	Cao cấp	C	Cử nhân	Hạng II	CC QLGD	KN lãnh đạo cấp phòng	BTCB, HT	Chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường 1. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện Kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; 2. Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng kỷ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội TNTPHCM. 3. Phân công, quản lý, đánh giá xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, chuyển chuyển, khen thưởng, thi hành kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định. 4. Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường; 5. Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyển trường; quyết định khen thưởng, kỉ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
														danh sách học sinh hoàn thành chương trình lớp học; tổ chức kiểm tra, xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách. 6. Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT; SGK, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của UBND thành phố. Quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT. 7. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lí; tham gia giảng dạy 2 tiết/tuần môn Đạo đức, Toán; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định; 8. Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; 9. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường với cộng đồng. 10. Quản lý chỉ đạo công tác Bán trú, Thực hiện QCDC; Phụ trách tổ văn phòng. Biên chế thuộc tổ bộ môn.	2

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
2	Lại Thị Ánh Thu	18/10/1976	1997	2000	THSP	ĐHSP	Trung cấp	B	B	Hạng II	CC QLGD	Kĩ năng lãnh đạo cấp phòng	PHT, Chi ủy	1. Quản lý, chỉ đạo 3 tổ chuyên môn. Biên chế thuộc tổ 4,5. Phụ trách chuyên môn từ khối 1 đến khối 5. Phụ trách công tác Đoàn, Đội; Hoạt động GDNGLL; Công nghệ thông tin; Công tác bồi dưỡng, quản lý học sinh (tư vấn học đường); Bồi dưỡng giáo viên; đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp; Dạy học tự chọn; Quản lý dạy thêm, học thêm; Kiểm định chất lượng; Xây dựng trường chuẩn; Thống kê, báo cáo. 2. Phụ trách công tác pháp chế, Bảo vệ chính trị nội bộ; Phối hợp công tác công đoàn, công tác thi đua khen thưởng giáo viên. 3. Phụ trách công tác PCGD, XMC; Tuyển sinh; Quản lý cơ sở vật chất; Thiết bị, thư viện; An ninh an toàn trường học (PCCC, PCBLTKCBN, ATGT); Vệ sinh môi trường; Y tế, Chữ thập đỏ; Khảo thí, nghiên cứu khoa học. 4. Tham gia giảng dạy 4 tiết/tuần môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí K5.	4
3	Nguyễn Anh Đức	26/08/1989			THSP	Thạc sĩ		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			PHT		
4	Tạ Anh Hùng	29/09/1991	2020		ĐHSP	Đại học		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			TPT	Tổng phụ trách Đội, phụ trách công tác CTĐ, tâm lí học đường; Dạy GDTC lớp 1A4, 1A5, 1A6 và 4 tiết (sinh hoạt dưới cờ K1,2,3,4,5).	6
5	Lê Thị Minh Huyền	07/03/1974	1994		ĐHKT			Ứng dụng CNTT	B				Nhân viên	Kế toán nhà trường kiêm văn thư	
6	Nguyễn Thị Hải Yến	29/11/1983	2008	2014	Trung cấp	ĐH Thư viện- Thông tin		Ứng dụng CNTT	B				Nhân viên	Công tác Thư viện - Thiết bị Hồ sơ Chi bộ, hỗ trợ công tác văn thư.	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
7	Phạm Khánh Hương	08/12/1978	1999	2010	THSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	Cử nhân	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 1A1	3
												Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 1A1.		22	
8	Lương Thị Ninh	12/07/1973	1997	2005	THSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên, KTK1, TPCM tổ 1,2,3	Chủ nhiệm lớp 1A2	3
												Dạy môn Tiếng Việt, HĐTN, TC Tiếng Việt lớp 1A2.		22	
9	Bùi Thị Thuý	01/11/1997	2019		ĐHSP			Ứng dụng CNTT	B2				Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 1A3	3
												Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 1A3.		22	
10	Mai Thị Thắm	29/6/1968	1989	1992	THSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	C				Giáo viên	Phó chủ nhiệm lớp 1A3 và dạy môn Toán, TC Toán, Đạo đức, TC Đạo đức, TNXH, TCTNXH	10
11	Hoàng Thị Thu Huyền	30/5/1981	2002	2006	CĐSP	ĐHSP	Trung cấp	B	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 1A4	3
12	Nguyễn Thu Hương	22/4/1978	1999	2006	THSP	ĐHSP		B	A	Hạng II			Giáo viên; KT khối 1	Chủ nhiệm lớp 1A5	3
13	Nguyễn Thị Kim Anh	03/07/1979	2000	2012	THSP	ĐHSP	Trung cấp	Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 1A6	3
14	Đặng Thị Kim Thanh	25/9/1968	1989	1997	CĐSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	A	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Đạo đức khối 1 (1A1, 1A2, 1A4, 1A5, 1A6); TC Đạo đức (1A1, 1A2, 1A4, 1A5)	9
												Tham gia trực 3 buổi.		12	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
15	Phạm Thị Huyền	26/4/1972	1991		THSP	ĐHSP		B	A				Giáo viên	Dạy môn TNXH lớp 1(1A1, 1A2, 1A4, 1A5, 1A6); TCTNXH lớp 1(1A1, 1A2, 1A4, 1A5); GDTC (1A1, 1A2)	14
														Tham gia trực 1 buổi.	4
16	Luu Thị Việt Hà	19/1/1977	1998	2009	THSP	ĐHSP		B	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 2A1	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 2A3.	22
17	Bùi Thùy Nguyên	31/08/1995	2017	2022	ĐHSP	Thạc sĩ		Ứng dụng CNTT	B1	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 2A1	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 2A3.	22
18	Nguyễn Thị Hoàng Yến	23/3/1973	1993	2007	THSP	ĐHSP	Trung cấp	Tin học văn phòng	A		CC QLGD		Giáo viên	Phó chủ nhiệm lớp 2A2 và dạy môn Tiếng Việt, TC Tiếng Việt lớp 2A2; Đạo đức và TC Đạo đức khối 2 (2A1, 2A2, 2A3, 2A4, 2A5)	21
19	Lê Thị Minh Hiền	12/08/1972	1992		THSP	ĐHSP		B	C				Giáo viên; KT khối 2	Chủ nhiệm lớp 2A3	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 2A3.	22
20	Phạm Thị Anh Đào	01/11/1995	2018		CĐSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	Cử nhân	Hạng II			Giáo viên, BTCĐ	Chủ nhiệm lớp 2A4	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 2A4.	22
21	Nguyễn Thị Bích Chi	09/06/1978	2004	2015	ĐHSP			Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên; TTCM tổ 1,2,3	Chủ nhiệm lớp 3A5	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt, GDTC lớp 3A5.	22
22	Vũ Thị Vi	03/08/1971	1997		THSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B				Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 3A1	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt, GDTC, Đạo đức lớp 3A1.	21
													Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 3A2	3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
23	Vũ Thị Thanh Loan	11/12/1986	2008	2016	ĐHTH			Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên, TPCM tổ 1,2,3; KT khối	Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt, GDTC, Đạo đức lớp 3A2.	22
24	Nguyễn Thị Diên	05/12/1975	1955	2010	THSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 3A3	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt, GDTC, Đạo đức lớp 3A3.	21
25	Phạm Thị Quỳnh Trâm	21/10/1998	2020	2020	ĐHSP	Thạc sĩ		Ứng dụng CNTT	A2	HạngIII			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 3A5	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, TC Toán, TC Tiếng Việt, GDTC, Đạo đức lớp 3A5.	21
26	Đoàn Thị Hải Yến	05/05/1978	1998	2013	THSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	B	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Công nghệ, TNXH (3A1, 3A2, 3A3, 3A4); TNXH (2A3, 2A4, 2A5) và TCTNXH (2A3, 2A4)	20
27	Nguyễn Thị Thắm	02/01/1971	1990	1992	THSP	ĐHSP		B	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 4A1	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 4A1.	21
28	Hà Thị Phương Hằng	25/1/1975	1995	2002	THSP	ĐHSP	Trung cấp	B	B	Hạng II			Giáo viên, CTCD	Chủ nhiệm lớp 4A2	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 4A2.	22
29	Chu Thị Lan Phương	30/8/1971	1991		THSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 4A3	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 4A3.	21
30	Hà Thị Thùy Giang	12/05/1982	2003	2009	CĐTH	ĐHSP		B	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 4A4	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 4A4.	21
													Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 4A5	3

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
31	Lưu Thị Thanh Hiền	20/1/1982	2003	2008	CĐSP	ĐHSP		B	B	Hạng II			viên, TPCM tổ 4&5; KT khối 4	Dạy môn Toán, Tiếng Việt, HĐTN, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 4A5.	21
32	Trịnh Thị Thu	15/9/1975	1996		THSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 5A1	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 5A1.	21
33	Bùi Văn Cao	13/7/1974	1994	2010	THSP	ĐHSP		B	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 5A2	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 5A2.	23
34	Hồ Thị Mỹ Hạnh	14/10/1973	1993	1999	THSP	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên, TTCM tổ 4&5	Chủ nhiệm lớp 5A3	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 5A3.	21
35	Doãn Thị Phương Huyền	08/01/1978	2000	2020	CĐTH	ĐHSP		Tin học văn phòng	B	Hạng II			Giáo viên	Chủ nhiệm lớp 5A4	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 5A4.	21
36	Dương Thị Hạnh	06/07/1976	1994	2008	THSP	ĐHSP		Tin học văn phòng	B	Hạng II			Giáo viên, KT khối 5, TPCM tổ 4&5	Chủ nhiệm lớp 5 Nhật	3
														Dạy môn Toán, Tiếng Việt, Khoa học, LS&ĐL, TC Toán, TC Tiếng Việt lớp 5 Nhật	21
37	Hà Thị Minh Loan	04/08/1980	2002	2017	CĐTH	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Công nghệ, Đạo Đức khối 4 (4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5); Khối 5 (5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5 Nhật).	20
														Hỗ trợ công tác văn phòng.	
38	Phan Xuân Huy	07/09/1986	2008	2018	CĐTD	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn GDTC khối 4 (4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5); khối 5 (5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5 Nhật) và lớp 2A4, 2A5.	24
39	Lê Phương Thảo	08/03/1981	2003		THÂN	ĐHÂN		Ứng dụng CNTT	A	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Âm nhạc khối 1,2,3,4,5	25

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			
40	Vũ Thị Thanh Vân	09/01/1982	2003	2010	THSP MT	ĐHSP		Ứng dụng CNTT	B	Hạng II			Giáo viên, TPCM tổ bộ môn	Dạy môn Mĩ thuật khối 1 (1A1, 1A2, 1A3, 1A4, 1A5, 1A6); khối 5 (5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5 Nhật) và lớp 3A1.	19
														Tham gia trực 1 buổi.	4
41	Đặng Thị Hạnh	24/6/1977	2000	2011	THSP MT	CĐSP MT		Tin học văn phòng	A				Giáo viên	Dạy môn Mĩ thuật khối 2 (2A1, 2A2, 2A3, 2A4); khối 4 (4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5) và lớp 3A2, 3A3, 3A4).	21
42	Đồng Thị Hiền	07/06/1983	2022		CĐSP KTTH	Thạc sĩ CNTT		Thạc sĩ KHMT&C NTT	B1	Hạng III			Giáo viên	Dạy môn Tin học khối 3 (3A1, 3A2, 3A3, 3A4, 3A5); khối 4 (4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5); Khối 5 (5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5 Nhật) và Thủ quỹ.	14
43	Vũ Thị Thu Hương	21/7/1980	2004		CĐSP NN	ĐHNN		B	Cử nhân	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Tiếng Anh Khối 5 (5A1, 5A2, 5A3, 5A4, 5 Nhật) và và lớp 1A6.	22
44	Phạm Thị Thanh Hiền	04/02/1984	2008		ĐHSP NN			B	Cử nhân	Hạng II			Giáo viên	Dạy môn Tiếng Anh khối 3 (3A1, 3A2, 3A3, 3A4, 3A5).	16
														Tham gia trực 2 buổi	8
45	Đặng Thị Quỳnh Anh	05/12/1991	2024		ĐHSP	Đại học		Ứng dụng CNTT					Giáo viên	Dạy môn Tiếng Anh khối 4 (4A1, 4A2, 4A3, 4A4, 4A5) và lớp 2A5	22
Hợp đồng															
1	Trần Thị Thu Thủy	11/11/1986	2020		ĐHCN			B	B				Nhân viên	Tạp vụ	
2	Đinh Văn Đức	09/07/1957	2019										Nhân viên	Bảo vệ nhà trường	
3	Nguyễn Văn Tín	19/08/1956	2008										Nhân viên	Bảo vệ nhà trường	
4	Bùi Sỹ Phú	00/00/1957	2024										Nhân viên	Bảo vệ nhà trường	
5	Trần Nhật Tân	27/10/1961	2024										Nhân viên	Bảo vệ nhà trường	
6	Trần Bảo Kiếm	30/10/1970	2024										Nhân viên	Bảo vệ nhà trường	

(Danh sách gồm 50 người)

Tổng số CBGVNV: 51

HIỆU TRƯỞNG



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Năm vào ngành	Đăng viên	Hệ đào tạo		Đã tham gia khóa bồi dưỡng						Chức danh	Nhiệm vụ phân công	Số tiết/ tuần
					Gốc	Nâng chuẩn	Chính trị	Tin học	Ngoại ngữ	Chuẩn CDNN	QLGD	LĐ cấp phòng			

Biên chế: **43** (BGH: 03; GV: 38; NV: 02)

Hợp đồng: **08** (Hưởng lương ngân sách: GV: 02; BV: 05; Tạm vụ: 01)

Trường tự cân đối trả lương: 01)



Nguyễn Thị Bích Ngọc